

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DID ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

Phan Văn Cương

Viện Dân tộc, Ủy ban Dân tộc Chính phủ

Email: cuongvdt@gmail.com

Ngày nhận: 01/8/2016

Ngày nhận bản sửa: 5/9/2016

Ngày duyệt đăng: 15/9/2016

Tóm tắt:

Kể từ sau đổi mới đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã đầu tư nhiều chương trình, chính sách có nguồn vốn hàng trăm tỷ đồng vào phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số (DTTS), góp phần tích cực làm thay đổi toàn diện hạ tầng kinh tế, xã hội ở các vùng này. Tuy nhiên trên thực tế chúng ta vẫn chưa biết được cụ thể mức độ ảnh hưởng của các chương trình đó đến thu nhập của hộ nghèo là bao nhiêu. Bài viết sử dụng phương pháp DID (difference in difference) với bộ dữ liệu điều tra Chương trình 135 để ước lượng tác động của chương trình giảm nghèo đến thu nhập của hộ gia đình người DTTS.

Từ khóa: *Mô hình DID; đánh giá tác động; chính sách giảm nghèo.*

Using DID method for assessing impact of poverty reduction policy in ethnic minority areas

Astract:

Since the renovation, hundreds of billions dong have been invested in development and poverty reduction programs and policies in ethnic minority, making contribution to changes in all aspects of economic and social infrastructure in the area. But in fact, we rarely know the extent of the contribution of such programs to the income of poor households. This paper using method Difference in Diference with survey data of P135 to estimate the impact of poverty reduction programs to the income of ethnic minority households.

Keywords: *DID method; impact evaluation; and poverty reduction policy.*

1. Mở đầu

Theo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, nước ta có 53 thành phần dân tộc thiểu số, với trên 12,3 triệu người chiếm 14,3% dân số cả nước. Tuy có tỷ trọng không lớn nhưng đồng bào các dân tộc cư trú chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, biên giới nơi có điều kiện kinh tế - xã hội gặp rất nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao, điều kiện sống, chất lượng

y tế, giáo dục, văn hóa... còn rất thấp. Với quan điểm “các dân tộc bình đẳng, đoàn kết... giúp nhau cùng phát triển” từ sau đổi mới đến nay, Chính phủ đã có nhiều chương trình, chính sách, nguồn lực đầu tư phát triển nhằm hỗ trợ xóa đói giảm nghèo ở vùng dân tộc. Có thể nói đến nay đời sống kinh tế, xã hội của đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta đã thay đổi nhiều, kết quả đó được cộng đồng quốc tế ghi

nhận và đánh giá cao.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, dưới góc độ nghiên cứu khoa học, nhiều câu hỏi lớn đang đặt ra là: Với hàng nghìn tỷ đồng đầu tư xóa đói giảm nghèo ở vùng dân tộc thời gian qua thì tác động, đóng góp thực tế đến tăng thu nhập của hộ gia đình là bao nhiêu? Ai sẽ là người được hưởng lợi nhiều từ các chính sách đó? Nội dung nào trong chính sách sẽ có hiệu quả? Mặc dù trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện chính sách, các cơ quan quản lý nhà nước như Quốc hội, Chính phủ và các tổ chức xã hội đã có nhiều cố gắng đánh giá, giám sát, kiểm tra... các chương trình, chính sách khi thực hiện. Ở nhiều góc độ khác nhau, các cuộc kiểm tra, đánh giá đều phát hiện và có những ý kiến quan trọng, giúp điều chỉnh chính sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Để làm rõ những câu hỏi nêu trên, dựa vào nguồn số liệu điều tra đầu kỳ và cuối kỳ chương trình xóa đói giảm nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn vùng DTTS (Chương trình 135 giai đoạn II), tác giả sử dụng phương pháp ước lượng khác biệt trong khác biệt (difference in difference) để ước lượng mức độ ảnh hưởng của chương trình đến thu nhập của hộ gia đình người DTTS. Kết quả nghiên cứu hướng tới hoàn thiện lý thuyết và gợi mở quy trình xây dựng và đánh giá tác động của chính sách giảm nghèo trong bối cảnh của nước ta hiện nay.

Thời gian qua Công ty Tư vấn Đông Dương do nhóm tác giả Phùng Đức Tùng & cộng sự (2012) đã sử dụng bộ số liệu về điều tra đầu kỳ, cuối kỳ và sử dụng phương pháp hồi quy các nhân tố cố định (fixed-effects regressions) để xây dựng báo cáo tư vấn “tác động của Chương trình 135 giai đoạn II qua lăng kính hai cuộc điều tra đầu kỳ và cuối kỳ”. Mặc dù kết quả định lượng cũng đã đo lường mức độ thay đổi tích cực của hộ nghèo tham gia chương trình về các chỉ tiêu kinh tế, xã hội nhưng chưa loại trừ được các yếu tố khác tác động ngoài chương trình... Vì vậy hiệu quả, tác động thực tế của Chương trình 135 giai đoạn II đến hộ nghèo vẫn chưa có được câu trả lời thỏa đáng. Trong nghiên cứu “Đánh giá tác động của các chính sách giảm nghèo của thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2009 - 2013” thực hiện năm 2014, do không có số liệu gốc (baseline) nên Phùng Đức Tùng và cộng sự đã sử dụng phương pháp hồi quy không liên tục để đánh giá tác động. Kết quả nghiên cứu không tách riêng được tác động và đóng góp của từng chương trình đến thu nhập của hộ nghèo. Cùng chủ đề liên quan, trong nghiên cứu của

Nguyễn Thị Kim Phước (2015), “Đánh giá tác động từ Chương trình 135 đến thu nhập của hộ gia đình khu vực Đồng Tháp Mười tỉnh Long An”, tác giả đã điều tra 360 hộ chia đều cho 2 nhóm: hộ thực hiện chương trình và hộ không thực hiện chương trình. Do không có số liệu điều tra gốc, nên tác giả đã sử dụng phương pháp hồi quy nhân tố để ước lượng. Tác giả đưa ra kết luận chương trình có tác động tích cực đến việc cải thiện thu nhập của hộ nhưng chưa đo lường và loại trừ được các yếu tố cùng tác động khác.

Hiện nay trên thế giới việc đánh giá tác động của các chính sách giảm nghèo đã được thực hiện từ lâu. Nhiều tài liệu, lý thuyết về đánh giá tác động các chính sách đã được xuất bản như: *Cẩm nang đánh giá tác động các phương pháp định lượng và thực hành* hay trong Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fullbright, các vấn đề lý thuyết về đánh giá tác động của chính sách công đã được đưa vào giảng dạy chính thức. Về mặt lý thuyết và kinh nghiệm quốc tế trong đánh giá tác động của chính sách công hiện nay là khá đầy đủ. Tuy nhiên trong bối cảnh của Việt Nam các số liệu, quản lý chính sách chưa theo quy chuẩn, kỹ thuật, phương pháp đánh giá còn nhiều hạn chế... nên còn thiếu nhiều nghiên cứu, đánh giá làm rõ tác động, đóng góp thực sự của chính sách giảm nghèo đến thu nhập của hộ gia đình.

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp thực hiện

Cơ sở dữ liệu

Một trong những chính sách lớn, xác định là chương trình mục tiêu quốc gia, tập trung vào công cuộc xóa đói giảm nghèo ở nơi, vùng khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao nhất của cả nước là “Chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc ít người và miền núi” (Chương trình 135). Chương trình thực hiện từ năm 1999 đến nay và chia thành 3 giai đoạn (giai đoạn 1: 1999 - 2005; giai đoạn 2: 2006 - 2011; giai đoạn 3: 2011 - 2015). Chương trình 135 đầu tư với 3 hợp phần là: đầu tư phát triển sản xuất (dtsx); đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng (dtht) và đầu tư nâng cao năng lực (dtnl). Trong quá trình thực hiện giai đoạn 2, Ban quản lý Chương trình 135 đã tổ chức điều tra cơ bản đầu kỳ vào năm 2006 và cuối kỳ 2011. Điều tra đầu kỳ được thực hiện với mẫu 5.965 hộ gia đình chọn từ 400 xã, trong đó có 266 xã đặc biệt khó khăn đang thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2 (gọi là nhóm hưởng lợi từ chương trình) và 134 xã đã được đầu

tư giai đoạn một và mới ra khỏi diện xã đặc biệt khó khăn của Chương trình 135 giai đoạn I (gọi là nhóm đối chứng); điều tra cơ bản cuối kỳ gồm 6.000 hộ, 400 xã, trong đó có 266 xã thụ hưởng và 134 xã đối chứng. Kết quả điều tra của chương trình đã được cơ quan quản lý, đánh giá, phân tích, thống kê so sánh những thay đổi về kinh tế xã hội đầu kỳ và cuối kỳ, trong đó có tăng thu nhập/khẩu của hộ nghèo. Tuy nhiên cần đánh giá đóng góp thực tế từ chương trình đến tăng thu nhập của hộ là bao nhiêu? Và nội dung đầu tư nào đóng góp vào thu nhập là nhiều nhất?

Phương pháp DID trong đánh giá tác động của chính sách

Theo Nguyễn Xuân Thành (2006), DID là ước lượng khác biệt trong khác biệt (difference in difference) hay còn gọi là phương pháp sai phân kép, là một phương pháp thông dụng trong đánh giá chính sách. Ta có Y là kết quả chịu tác động của một chính sách (ví dụ như việc làm, thu nhập...); D là biến giả xác định một đối tượng có thuộc diện đầu tư của chính sách đó hay không (D = 1 nếu đối tượng chịu chi phối của chính sách công; D = 0 nếu đối tượng không bị chi phối bởi chính sách). Về mặt thời gian, ta có Y0 là kết quả tại thời điểm chưa thực hiện chính sách và Y1 là kết quả tại thời điểm đã thực hiện chính sách. Sự thay đổi của Y như sau:

- Với nhóm bị chi phối bởi chính sách:

$$Y1[D = 1] - Y0[D = 1]$$

- Với nhóm không bị tác động bởi chính sách:

$$Y1[D = 0] - Y0[D = 0].$$

Ta không thể coi tác động của chính sách là khác biệt giữa kết quả trước và sau khi thực hiện chính sách của nhóm bị tác động (tức là, $Y1[D = 1] - Y0[D = 0]$). Lý do là một sự so sánh như vậy sẽ bị ảnh hưởng của

thời gian. Mặc dù trên thực tế chính sách không thực hiện nhưng theo thời gian thu nhập của hộ vẫn có thể tăng, tức là $Y1[D = 0] - Y0[D = 0] > 0$.

Phương pháp DID tính tới hai khác biệt: khác biệt theo thời gian trước và sau khi thực hiện chính sách và khác biệt chéo giữa nhóm xử lý và nhóm đối chứng, và do vậy có tên gọi là khác biệt trong khác biệt. Khác biệt trong khác biệt (hay khác biệt kép) sẽ là:

$$(Y1[D = 1] - Y0[D = 1]) - (Y1[D = 0] - Y0[D = 0]).$$

Lựa chọn phương pháp DID để ước lượng tác động của Chương trình 135 đến tăng thu nhập của hộ gia đình người DTTS

Với cơ sở dữ liệu mảng và kết quả điều tra đầu kỳ, cuối kỳ đối với cả hai nhóm hộ hưởng lợi từ chương trình và nhóm kiểm soát, để ước lượng tác động của Chương trình 135 giai đoạn II đến tăng thu nhập của hộ gia đình thì mô hình DID như trên là phù hợp. Lựa chọn các biến phụ thuộc và độc lập đưa vào mô hình:

Biến phụ thuộc: $\Delta TN/khau$: Tăng thu nhập trên khẩu của hộ gia đình

Các biến độc lập: Tổng quan các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, việc tăng thu nhập của hộ gia đình phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có sự thay đổi về: đặc điểm nhân khẩu, lao động, học vấn, việc làm... của hộ; đặc điểm dân tộc, tuổi, học vấn... của chủ hộ; và những đặc điểm đầu kỳ trước khi thực hiện chương trình như: quy mô hộ, đặc điểm nhân khẩu, tình trạng nghèo... Vì vậy các biến độc lập lựa chọn đưa vào mô hình bao gồm:

Biến đầu tư Chương trình 135 (dtsx, dtth, dtnl) là biến định lượng, có định mức phân bổ cho từng hợp phần theo tỷ lệ tương đối giống nhau ở các xã trên cả nước (ví dụ: đầu tư hạ tầng phân bổ vốn bình

STT	Tên biến	Giải thích
1	var6	Xã thực hiện Chương trình 135 đầu kỳ (biến giả): Var6 = 1 xã thuộc chương trình; var6 = 2 xã không thuộc chương trình.
2	bvar37	Biến hộ nghèo điều tra đầu kỳ chương trình: Bvar37 = 0 hộ không nghèo; bvar37 = 1 hộ nghèo.
3	grvar1	Là biến định tính, chỉ nhóm dân tộc của chủ hộ. Nhận các giá trị: 1 chủ hộ là người Kinh; 2 chủ hộ là người Tây và Thái; 3 chủ hộ là người H'mông, Dao và 4 là các dân tộc khác.
4	e5_b5	Thay đổi giữa điều tra đầu kỳ và cuối kỳ về quy mô hộ gia đình
5	e9_b9	Thay đổi giữa điều tra đầu kỳ và cuối kỳ tuổi của chủ hộ gia đình
6	e10_b10	Thay đổi về số người trong tuổi lao động của hộ giữa điều tra đầu kỳ và cuối kỳ
7	e12_b12	Thay đổi giữa điều tra đầu kỳ và cuối kỳ về số người của hộ trong độ tuổi đến trường

8	e13_b13	Thay đổi giữa điều tra đầu kỳ và cuối kỳ về số năm đến trường của chủ hộ
9	e14_b14	Thay đổi giữa điều tra đầu kỳ và cuối kỳ về số người trong độ tuổi lao động có đào tạo
10	e19_b19	Thay đổi giữa điều tra đầu kỳ và cuối kỳ về số người trong độ tuổi có việc làm
11	e16_b16	Thay đổi giữa điều tra đầu kỳ và cuối kỳ về số người/lần ốm đau của hộ
12	e20_b20	Thay đổi giữa điều tra đầu kỳ và cuối kỳ về tổng diện tích đất của hộ
13	e22_b22	Thay đổi giữa điều tra đầu kỳ và cuối kỳ về tỷ lệ % đất có hệ thống tưới tiêu
14	bvar5	Quy mô hộ điều tra đầu kỳ
15	bvar12	Số người trong tuổi đi học của hộ điều tra đầu kỳ
16	bvar13	Số năm đến trường của chủ hộ điều tra đầu kỳ
17	bvar14	Số người trong tuổi lao động được đào tạo điều tra đầu kỳ
18	bvar15	Số người trong tuổi đi học được đến trường điều tra đầu kỳ
19	bvar25tb	Tổng thu nhập trung bình của hộ điều tra đầu kỳ
20	bvar19	Số người làm việc của chủ hộ điều tra đầu kỳ
21	bvar20	Tổng diện tích đất của hộ điều tra đầu kỳ
22	dtsx	Đầu tư của Chương trình 135 về phát triển sản xuất cho hộ gia đình
23	dtht	Đầu tư của Chương trình 135 về phát triển, duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, cơ sở phục vụ phát triển sản xuất
24	dtnl	Đầu tư của Chương trình 135 về nâng cao năng lực của cán bộ và hộ gia đình

quân 1 tỷ đồng/xã/năm; đầu tư phát triển sản xuất và quản lý chương trình bình quân 500 triệu đồng/xã/năm và đầu tư nâng cao năng lực là 120 triệu đồng/năm). Để không xảy ra tình trạng đa cộng tuyến giữa 3 biến trên, 3 mô hình riêng sẽ được sử dụng để xem xét tác động của từng hợp phần đầu tư của Chương trình 135.

Mô hình DID có nhiều dạng khác nhau, lựa chọn phù hợp để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tăng thu nhập trung bình đầu của hộ là mô hình dạng:

$$\Delta TN/khau = \beta_0 + \beta_1 * [bvar37, var6 * bvar37, grvar1] + \beta_2 * [e5_b5, e9_b9, e12_b12, e13_b13, e14_b14, e19_b19, e20_b20, e16_b16] + \beta_3 * [bvar5, bvar12, bvar13, bvar14, bvar15, bvar25tb, bvar19, bvar20] + \beta_4 [var6 * e4_b4, var6 * e9_b9, var6 * e10_b10, var6 * e13_b13, var6 * e20_b20, var6 * e22_b22, bvar37 * e5_b5, bvar37 * e9_b9, bvar37 * e10_b10, bvar37 * e19_b19, bvar37 * e20_b20, grvar1 * e5_b5, grvar1 * e10_b10 + grvar1 * e13_b13, grvar1 * e22_b22] + \beta_5 *$$

CT (*dtsx, dtht, dtnl*) + ϵ_i

β_0 là hệ số chặn, β_j ($j = 1, 2, 3, 4, 5$) là các véc tơ tham số tương ứng với các biến trong mỗi nhóm. Vì các biến của chương trình quan hệ tuyến tính với nhau rất chặt chẽ nên để tách được tác động của mỗi hợp phần đến biến phụ thuộc, số hạng chương trình trong hồi quy trên sẽ lựa chọn lần lượt các biến.

Tích hai biến *var6 * bvar37* tạo nên biến chia các hộ thành 4 nhóm (nghèo - có tham gia chương trình; nghèo - không tham gia chương trình; không nghèo - có tham gia chương trình; không nghèo - không tham gia chương trình).

3. Kết quả ước lượng và phân tích

Sử dụng phần mềm SPSS 22 để ước lượng mô hình bằng phương pháp hợp lý tối đa với mức ý nghĩa 10%, sau khi loại 14 biến không có ý nghĩa giải thích thống kê. Mô hình có các biến độc lập sau: *bvar37, var6 * bvar37, grvar1, e5_b5, e9_b9, e12_b12, e13_b13, e14_b14, e19_b19, e20_b20,*

Bảng 1: Ước lượng mô hình có tác động của từng hợp phần đầu tư sản xuất đến tăng thu nhập hộ nghèo

Ước lượng tham số	B	Kiểm định tham số hồi quy		
		Giá trị khi bình phương	Bậc tự do	Mức ý nghĩa
Hệ số chặn	3993.172	57.015	1	.000
[bvar37=0]	2080.122	41.724	1	.000
[bvar37=1]	0 ^a			
[var6=1] * [bvar37=0]	64.956	.043	1	.837
[var6=1] * [bvar37=1]	468.132	3.395	1	.065
[var6=2] * [bvar37=0]	0 ^a			
[var6=2] * [bvar37=1]	0 ^a			
[grvar1=1.00]	1352.259	15.272	1	.000
[grvar1=2.00]	-395.009	2.676	1	.102
[grvar1=3.00]	294.675	1.270	1	.260
[grvar1=4.00]	0 ^a			
<i>dtss</i> *	861.889	11.748	1	.001
<i>dtht</i> *	140.275	8.998	1	.003
<i>dtnt</i> *	2818.798	12.653	1	.000
e5_b5	-527.151	10.848	1	.001
e9_b9	73.363	3.745	1	.053
e12_b12	-143.282	3.418	1	.065
e13_b13	271.211	23.124	1	.000
e14_b14	1971.867	28.623	1	.000
e19_b19	161.969	14.883	1	.000
e20_b20	.014	5.850	1	.016
bvar5	-713.587	68.615	1	.000
bvar13	194.872	44.130	1	.000
bvar14	2320.670	36.019	1	.000
bvar25tb	-.477	113.042	1	0.000
bvar19	266.145	4.984	1	.026
bvar20	.027	30.504	1	.000
[var6=1] * e13_b13	-128.499	3.001	1	.083
[var6=2] * e13_b13	0 ^a			
[var6=1] * e20_b20	.013	4.594	1	.032
[var6=2] * e20_b20	0 ^a			
[bvar37=0] * e5_b5	-315.657	3.666	1	.056
[bvar37=1] * e5_b5	0 ^a			
[bvar37=0] * e20_b20	.013	9.761	1	.002
[bvar37=1] * e20_b20	0 ^a			

Ghi chú: *Các hợp phần của Chương trình 135 được thay thế lần lượt trong 3 mô hình

Nguồn: Kết quả ước lượng các mô hình nhờ thủ tục *Generalised Linear Models* của SPSS

bvar5, bvar13, bvar14, bvar25tb, bvar19, bvar20, var6 * e13_b13, var6 * e20_b20, bvar37 * e5_b5, bvar37 * e20_b20.

Các mô hình được ước lượng bằng phương pháp hợp lý cực đại với số quan sát (số hộ) $n = 3603$; số tham số $k = 25$. Kết quả kiểm định sự phù hợp bằng

kiểm định Omnibus cho kết quả tối thiểu là hệ số khi bình phương là 439 với 24 bậc tự do, mức ý nghĩa là 0,000.

Các kiểm định cho thấy các kết quả hồi quy chấp nhận được về mặt thống kê và kinh tế xã hội.

Bảng 2: Kết quả ước lượng 4 mô hình lần lượt theo các nhóm hộ

	Hộ nghèo, không tham gia chương trình	Hộ nghèo, tham gia chương trình	Hộ không nghèo, không tham gia chương trình	Hộ không nghèo, tham gia chương trình
<i>Hệ số chặn</i>				
Dân tộc khác	3993.172	4461.304	6073.294	6138.25
Dân tộc Kinh	5345.431	5813.563	7425.553	7490.509
Dân tộc Tày, Thái	3598.163	4066.295	5678.285	5743.241
Dân tộc H'mông, Dao	3993.172	4461.304	6073.294	6138.25
<i>dtsex*</i>	861.889	861.889	861.889	861.889
<i>dtht*</i>	140.275	140.275	140.275	140.275
<i>dtnt*</i>	2818.798	2818.798	2818.798	2818.798
Quy mô hộ tăng	-527.151	-527.151	-842.808	-842.808
Tuổi chủ hộ tăng	73.363	73.363	73.363	73.363
Số người trong tuổi đi học tăng	-143.282	-143.282	-143.282	-143.282
Số năm đi học chủ hộ tăng	271.211	142.712	271.224	142.725
Số lao động tăng	1971.867	1971.867	1971.867	1971.867
Lao động có việc làm tăng	161.969	161.969	161.969	161.969
Diện tích đất sản xuất tăng	0.014	0.014	0.014	0.014
Quy mô hộ 2007	-713.587	-713.587	-713.587	-713.587
Số năm đi học chủ hộ 2007	194.872	194.872	194.872	194.872
Số lao động 2007	2320.67	2320.67	2320.67	2320.67
Thu nhập/khẩu 2007	-0.477	-0.477	-0.477	-0.477
Lao động có việc làm 2007	266.145	266.145	266.145	266.145
Diện tích đất sản xuất 2007	0.027	0.027	0.027	0.027

Nguồn: Nhóm tác giả tính toán từ kết quả ước lượng các mô hình

Ước lượng của các hệ số β_0, β_j ($j = 1, 2, 3, 4$) ở 3 hồi quy thay thế lần lượt các hợp phần của chương trình cùng dấu, cùng mức ý nghĩa trong kiểm định và khác nhau không đáng kể, cho phép mô tả gộp 3 kết quả hồi quy với từng hợp phần của chương trình ở bảng sau:

Phân tích kết quả

- *Tác động của chương trình đến tăng thu nhập của hộ nghèo*

Trong trường hợp các biến độc lập khác (trừ biến tham gia Chương trình 135: var6 và phân loại hộ nghèo: bvar37) như nhau:

+ Hộ tham gia Chương trình 135 là hộ nghèo sẽ có mức tăng thu nhập/khẩu nhiều hơn hộ nghèo không tham gia Chương trình 135 trung bình 468.000 đồng. Đây chính là sự khác biệt về tăng thu nhập giữa hai nhóm hộ nghèo được hưởng chính sách và hộ nghèo không được hưởng chính sách. Giả thiết rằng, nếu như 2 nhóm hộ nghèo trước và sau khi

thực hiện chương trình đều tương đồng về điều kiện kinh tế, xã hội... (tức là nếu không có chính sách thì thu nhập của 2 nhóm hộ nghèo này thay đổi như nhau) thì với phương pháp DID và ước lượng hợp lý tối đa chúng ta có thể đo lường được đóng góp riêng của chương trình đến tăng thu nhập của hộ nghèo.

+ Với các hộ không nghèo ở các xã thực hiện chương trình ($[var6=1] * [bvar37=0]$) ước lượng hệ số không có ý nghĩa thống kê ($sig = 0,837$); tương tự các nhóm hộ (nghèo và không nghèo) thuộc xã không tham gia chương trình cũng vậy: $[var6=2] * [bvar37=0]$ và $[var6=2] * [bvar37=1]$ (Bảng 1). Tức là tác động của chương trình đến tăng thu nhập của các nhóm hộ trên là không rõ ràng. Kết quả này cho thấy, Chương trình 135 đã được quản lý và đầu tư đúng đối tượng. Các hợp phần, nội dung đầu tư hướng đến hộ nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn (xã thực hiện chương trình).

- *Tác động của chương trình đến nhóm hộ người*

Kinh và nhóm hộ DTTS

Bảng 2 cho thấy cùng điều kiện như nhau, nhưng nhóm hộ người Kinh luôn đạt được mức tăng thu nhập/khẩu lớn nhất trong cả 4 vị thế hộ; nhóm người Tày và Thái có mức tăng thu nhập/khẩu nhỏ hơn nhóm người dân tộc Dao và H'mông và các dân tộc khác. Như vậy người Kinh đã sử dụng tốt hơn các dịch vụ của chương trình, hoặc chương trình đã tác động mạnh hơn đến tăng thu nhập của hộ người Kinh. Kết quả này cho thấy các nhà hoạch định chính sách cần phải xem lại phương thức đầu tư của chương trình đã phù hợp với văn hóa, phong tục tập quán của người DTTS chưa. Trong khi mục tiêu của chương trình là hướng đến giảm nghèo cho đồng bào DTTS.

- Tác động riêng của các hợp phần đầu tư thuộc Chương trình 135 đến tăng thu nhập của hộ nghèo

Mô hình cũng cho nhiều kết quả thú vị. Trong 3 hợp phần đầu tư của chương trình, nếu các điều kiện khác không thay đổi, tăng 1 tỷ đồng đầu tư vào từng hợp phần: *ptsx, dtht, dtnl*, thì đóng góp vào tăng thu nhập của hộ gia đình lần lượt là: 861; 140; 2818 nghìn đồng. Như vậy có thể thấy đầu tư vào sản xuất và nâng cao năng lực sẽ tạo ra tăng thu nhập hơn rất nhiều so với đầu tư vào cơ sở hạ tầng đối với hộ nghèo ở vùng DTTS. Kết luận này rất quan trọng, giúp cho các nhà hoạch định chính sách xem xét, lựa chọn hợp phần đầu tư cho phù hợp. Trong khi nguồn lực có hạn, đầu tư cơ sở hạ tầng vùng DTTS rất tốn kém, thì cần phải lựa chọn mục tiêu nâng cao năng lực, hỗ trợ sản xuất để hướng tới giảm nghèo bền vững.

- Ảnh hưởng từ các yếu tố nhân khẩu học, học vấn, việc làm và lao động có đào tạo...

Kết quả ước lượng các hệ số của các biến này hoàn toàn phù hợp với lý thuyết kinh tế xã hội, tuy nhiên ở đây cũng ghi nhận một số kết quả sau: (Bảng 2).

+ Quy mô hộ có hệ số ước lượng âm cho thấy những hộ có đông người sinh sống sẽ hạn chế, ảnh hưởng ngược chiều tới tăng thu nhập đối với tất cả các vị thế của hộ.

+ Số người trong tuổi đi học có hệ số ước lượng âm cho thấy, những hộ có số người trong độ tuổi đi học tăng có thể ảnh hưởng làm giảm mức tăng thu nhập/khẩu của hộ.

+ Kết quả cũng cho thấy, nếu tăng số người có việc làm đối với các hộ tham gia Chương trình 135 hiệu quả hơn hộ không tham gia Chương trình 135.

Như vậy có thể phát biểu rằng chương trình đã tạo ra cơ hộ có thêm việc làm hơn so với các xã không thực hiện chương trình.

4. Kết luận

Bộ số liệu đã cho phép xây dựng phương pháp phù hợp để ước lượng tác động của chương trình cũng như đo lường tiến bộ đạt được liên quan đến các vấn đề giảm nghèo, tình hình kinh tế xã hội của cộng đồng các DTTS và sự tham gia của họ vào Chương trình 135 giai đoạn II. Như vậy phương pháp DID với biến giả cho phép ước lượng tác động thực tế của mô hình đến đối tượng hưởng lợi. Kết quả có thể trả lời câu hỏi, nếu chương trình cùng thực hiện trong điều kiện có nhiều tác động khác, với nguồn cơ sở dữ liệu tốt, điều tra, đánh giá kỹ lưỡng, các nhà quản lý chương trình hoàn toàn có thể ước lượng và tách riêng tác động của chương trình lên đối tượng hưởng lợi.

Kết quả ước lượng của chương trình cũng cho thấy rằng, trong 3 hợp phần đầu tư thì đầu tư vào cơ sở hạ tầng có đóng góp vào gia tăng thu nhập của hộ nghèo thấp hơn nhiều so với đầu tư vào phát triển sản xuất và nâng cao năng lực. Kết quả ước lượng này cung cấp thông tin rất quan trọng cho cơ quan quản lý chương trình cần phải điều chỉnh nội dung, hợp phần đầu tư cho phù hợp. Trong bối cảnh nguồn lực có hạn, để chính sách giảm nghèo ở vùng DTTS đạt hiệu quả, cần phải lựa chọn mục tiêu hỗ trợ phát triển sản xuất và nâng cao năng lực là ưu tiên hàng đầu. Còn phát triển cơ sở hạ tầng cũng cần thiết, nhưng phải cân nhắc và lựa chọn mức độ, thời điểm đầu tư cho phù hợp, nhất là trong bối cảnh nguồn lực rất có hạn như hiện nay.

Rõ ràng chúng ta hoàn toàn có thể đo lường được tác động thực tế của chương trình, chính sách giảm nghèo lên thu nhập của hộ gia đình. Để kết quả đánh giá được chuẩn xác, đòi hỏi phải có bộ cơ sở dữ liệu đầy đủ, tin cậy. Vì vậy trong thời gian tới, các cơ quan quản lý nhà nước, các ban quản lý chương trình, chính sách phải tổ chức điều tra, theo dõi diễn biến thực trạng kinh tế, xã hội của hộ gia đình trước, trong và sau khi thực hiện chính sách.

Tài liệu tham khảo

- Ngô Văn Thứ (2015), *Giáo trình thống kê thực hành*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Kim Phước (2015), *Tác động của Chương trình 135 đến thu nhập của hộ gia đình khu vực Đồng Tháp Mười, tỉnh Long An*, Tạp chí Phát triển và Hội nhập, số 25.
- Nguyễn Xuân Thành (2006), *Phân tích tác động của chính sách công: Phương pháp ước lượng khác biệt trong khác biệt*, Học liệu mở FETP, từ <<http://www.fetp.edu.vn>>.
- Phùng Đức Tùng, Nguyễn Việt Cường, Lê Đặng Trung & Phạm Thái Hưng (2012), *Báo cáo tư vấn: Tác động của Chương trình 135 qua lăng kính 2 cuộc điều tra đầu kỳ và cuối kỳ*.
- Phùng Đức Tùng, Nguyễn Việt Cường, Nguyễn Hồng Thủy & Nguyễn Thị Thu Nga (2014), *Báo cáo tư vấn: Đánh giá tác động của các chính sách giảm nghèo của thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2009 - 2013*.
- Shahidur R. Khandker, Gayatri B. Koolwal & Hussain A. Samad (2010), *Cẩm nang đánh giá tác động các phương pháp định lượng và thực hành*, Ngân hàng Thế giới.
- UNDP, Ủy ban Dân tộc (2008), *Báo cáo phân tích điều tra cơ bản Chương trình 135 giai đoạn II*.